ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3719 /UBND-NNTNMT V/v cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới.	*Thái Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2014*

Kính gửi:
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình;
- Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn);
- Ủy ban nhân dân các huyện: Thái Thụy, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Vũ Thư;
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà.

Xét đề nghị của Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình tại Tờ trình số 104/TTr-QĐTPT ngày 05/12/2014 về việc cấp xi măng hỗ trợ xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Ủy ban nhân dân tỉnh giao Qũy Đầu tư và Phát triển Thái Bình cùng với Công ty trách nhiệm hữu hạn Duyên Hà tiếp tục cấp xi măng cho các xã đã thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 14/VP-TB ngày 29/4/2014 về công tác quản lý, bảo quản, sử dụng xi măng thuộc các huyện: Thái Thụy, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Vũ Thư, với tổng khối lượng 12.645,10 tấn, trong đó:

+ Huyện Thái Thụy:	3.275,15 tấn;
+ Huyện Kiến Xương:	286,00 tấn;
+ Huyện Quỳnh Phụ:	907,10 tấn;
+ Huyện Tiền Hải:	1.467,35 tấn;
+ Huyện Đông Hưng:	1.319,25 tấn;
+ Huyện Hưng Hà:	2.581,00 tấn;
+ Huyện Vũ Thư:	2.809,25 tấn;

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo),

Số lượng xi măng trên đã được phê duyệt tại các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Yêu cầu:

+ Sở Thông tin và Truyền thông thông báo khối lượng xi măng cấp cho các xã thuộc các huyện: Thái Thụy, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Vũ Thư trên Cổng thông tin Điện tử của tỉnh;

+ Văn phòng Điều phối Xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo khối lượng xi măng được cấp tại Công văn này;

+ Quỹ Đầu tư và Phát triển Thái Bình chủ trì, phối hợp với: Ủy ban nhân dân các huyện Thái Thụy, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Vũ Thư; doanh nghiệp cung ứng xi măng giao xi măng cho các xã theo khối lượng được cấp tại Công văn này;

+ Ủy ban nhân dân các huyện: Thái Thụy, Kiến Xương, Quỳnh Phụ, Tiền Hải, Đông Hưng, Hưng Hà, Vũ Thư; Ủy ban nhân dân các xã được cấp xi măng hỗ trợ thực hiện việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng xi măng; thanh, quyết toán khối lượng xi măng được hỗ trợ và quản lý đầu tư xây dựng công trình đảm bảo quy định của tỉnh và quy định của Nhà nước./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Thái Bình;
- Cổng thông tin Điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Ca

Phụ lục

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG CẤP CHO CÁC XÃ THUỘC CÁC HUYỆN: THÁI THỤY, KIẾN XƯƠNG, QUỲNH PHỤ, TIỀN HẢI, ĐÔNG HƯNG, HƯNG HÀ VÀ VŨ THƯ

(Kèm theo Công văn số 3719 /UBND-NNTNMT ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh).

(ĐVT: Tấn)

TT	Huyện/xã	Lượng xi măng được duyệt (tấn)	Lượng xi măng đã nhận (tấn)	Lượng xi măng được cấp tiếp (tấn)	Thời gian nhận
I	**Thái Thụy**			**3.275,15**	
1	Thụy Dân	2.740,50	2.499,15	241,35	08/12 - 15/12/2014
2	Thụy Bình	1.534,10	1.258,00	276,10	08/12 - 15/12/2014
3	Thái Thuần	2.520,40	1.629,80	880,60	08/12 - 25/12/2014
4	Thụy Văn	362,20	70,00	292,20	08/12 - 30/12/2014
5	Thụy Sơn	5.213,00	3.628,10	1.584,90	08/12 - 31/12/2014
II	**Kiến Xương**			**286,00**	
1	Quang Lịch	1.122,10	782,80	286,00	04/12 - 15/12/2014
III	**Quỳnh Phụ**			**907,10**	
1	Quỳnh Hoàng	4.432,00	3.792,30	639,70	08/12 - 25/12/2014
2	Quỳnh Sơn	2.863,10	2.408,60	267,40	08/12 - 20/12/2014
IV	**Tiền Hải**			**1.467,35**	
1	Đông Xuyên	4.412,60	2.428,45	198,85	08/12 - 12/12/2014
2	Đông Minh	4.608,70	3.102,20	430,20	08/12 - 20/12/2014
3	Vũ Lăng	3.713,10	3.481,20	172,60	08/12 - 11/12/2014
4	Đông Trà	2.946,90	2.663,90	283,00	08/12 - 15/12/2014
5	Tây Lương	2.825,40	1.783,30	382,70	08/12 - 22/12/2014
V	**Đông Hưng**			**1.319,25**	
1	Đông Hà	2.131,50	1.406,80	645,80	08/12 - 25/12/2014
2	Đông Xuân	4.400,90	4.327,35	73,55	08/12 - 16/12/2014
3	Phong Châu	2.717,80	2.171,70	238,90	08/12 - 30/12/2014
4	Đông La	2.726,30	2.365,30	361,00	08/12 - 20/12/2014
VI	**Hưng Hà**			**2.581,00**	
1	Minh Hòa	4.488,10	3.350,00	1.137,10	08/12 - 31/12/2014
2	Tân Hòa	3.083,60	2.133,60	950,00	08/12 - 31/12/2014
3	Liên Hiệp	2.683,40	2.010,10	493,90	08/12 - 20/12/2014
VII	**Vũ Thư**			**2.809,25**	
1	Dũng Nghĩa	2.742,80	2.021,30	721,45	08/12 - 25/12/2014
2	Tự Tân	4.807,00	3.699,10	968,60	08/12 - 31/12/2014
3	Hồng Phong	4.534,20	3.405,50	1.119,20	08/12 - 31/12/2014
Tổng (I+II+III+IV+V+VI+VII)				**12.645,10**	
(Mười hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tấn, một trăm cân).					

Phụ lục 1

KHỐI LƯỢNG XI MĂNG HỖ TRỢ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH: NHÓM 1, NHÓM 2, CÔNG TRÌNH PHỤ TRỢ CHO CÁC XÃ THUỘC HUYỆN THÁI THỤY VÀ HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 2937 /QĐ-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh).

STT	HUYỆN/XÃ	KHỐI LƯỢNG XI MĂNG (tấn)	GHI CHÚ
	Tổng cộng (04 xã)	**519,4**	
I	**Thái Thụy (03 xã)**	**507,5**	
1	Thụy Bình	286,8	
2	Thụy Chính	148,2	
3	Thụy Ninh	72,5	
II	**Vũ Thư (01 xã)**	**11,9**	
1	Hiệp Hòa	11,9	

Phụ lục 2

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN THÁI THỤY

(Kèm theo Quyết định số 2931 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Quy mô đầu tư (m)	Tiêu chuẩn kĩ thuật	Khối lượng xi măng (tấn)
	Tổng cộng (03 xã)			**507,5**
1	**Xã Thụy Bình**			**286,8**
*	**Công trình nhóm 2**			**131,1**
	Nhà văn hóa xã			88,3
	Chợ Hồi			42,8
*	**Công trình phụ trợ**			**155,7**
	Sân bê tông-trường Tiểu học			15,1
	Sân bê tông-trường Trung học cơ sở			15,1
	Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, hạng mục: Tường rào + rãnh nước + sân bê tông			125,5
2	**Xã Thụy Chính**			**148,2**
*	**Đường giao thông nội đồng**	**238,0**		**46,2**
	Từ giáp khu 3 Hòe Nha đến Mả Sòi	88	***Bm 3,5m;BTM 200; dày 14cm; dưới mặt ruộng có móng rộng 0,22m, cao 0,2m, tường trên mặt ruộng dày 0,11m, cao 0,14m***	17,1
	Từ cống Giếng đến đồng Chay	150		29,1
*	**Đường nhánh cấp 1 giao thông trục thôn**			**8,2**
	Bm 2,5 m	***66,5***	***Bm 2,5m; BTM200; dày 14cm***	***8,2***
	Từ ông Vũ đến ông Yến	50		6,2
	Từ ông Ny đến bà Nghinh	16,5		2,0
*	**Công trình phụ trợ**			**93,8**
	San lấp ao và nhà khám chữa bệnh 2 tầng			93,8
3	**Xã Thụy Ninh**			**72,5**
*	**Đường Giao thông trục thôn**			**72,5**
	Từ ông Thuấn đến ông Nên	370	***Bm 3,5m; BTM200; dày 16cm***	72,5

Phụ lục 3

DANH MỤC CHI TIẾT CÁC CÔNG TRÌNH CỦA CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ XI MĂNG, HUYỆN VŨ THƯ

(Kèm theo Quyết định số 2931/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh).

STT	Danh mục công trình	Khối lượng xi măng đề nghị hỗ trợ (tấn)
	Tổng cộng (01 xã)	**11,9**
1	**Xã Hiệp Hòa**	**11,9**
*	**Công trình phụ trợ**	**11,9**
	Sân trạm y tế xã Hiệp Hòa	11,9

Văn bản được ký số bởi:
Văn phòng UBND tỉnh

Thời gian ký số:
09/12/2014 09:33:24